

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 137/2023/DS-ST

Ngày: 27-9-2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Văn Lộc;

2. Ông Hoàng Đình Ngân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Vương Lệ Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Mẫn, Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 576/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2023/QĐXX-DS ngày 28 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2023/QĐST-DS ngày 15 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Huỳnh Công P, sinh năm 1992; Địa chỉ cư trú: Số E, hẻm D, đường T, khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Huỳnh Chí H, sinh năm 1988 và chị Nguyễn Thị Mỹ N, sinh năm 1989; Cùng địa chỉ cư trú: Tổ A, ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 11-7-2023, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Huỳnh Công P trình bày:* Ngày 21-6-2022 dương lịch, vợ chồng anh H và

chị N vay của anh số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng, mục đích vay tiền để thuê vườn cao su kinh doanh cao mủ cao su; thoả thuận lãi suất 6%/tháng (tương đương 12.000.000 đồng/tháng). Anh H, chị N có làm giấy mượn tiền 21-6-2022 giao cho anh giữ bản chính và hẹn 06 tháng sau khi thu hoạch mủ sẽ trả tiền. Anh H, chị N đã trả tiền lãi được 24.000.000 đồng đến ngày 21-8-2022 thì ngưng, chưa trả nợ gốc. Số tiền lãi này anh không yêu cầu Toà án tính lại xem như anh H, chị N đã trả lãi từ ngày vay tiền cho đến ngày các bên chốt nợ vào ngày 09-02-2023.

Ngày 10-7-2022 dương lịch vợ chồng anh H, chị N vay thêm số tiền nợ gốc 130.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận 6%/tháng, hẹn trong vòng 01 tháng sẽ trả tiền. Khoản vay này anh H, chị N không làm giấy biên nhận nợ và cho đến nay chưa trả nợ gốc, tiền lãi.

Tháng 12-2022 anh có làm đơn khởi kiện tại Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh để yêu cầu anh H, chị N trả toàn bộ số tiền nợ gốc 330.000.000 đồng và lãi suất. Khi đến Toà án, anh H và chị N soạn thảo và xác nhận vào bản cam kết trả nợ ngày 09-02-2023 với nội dung trong vòng 05 tháng kể từ ngày 09-02-2023 cho đến hết ngày 09-7-2023 anh H và chị N sẽ trả đủ số tiền 200.000.000 đồng. Nếu hết thời hạn này không trả, thì anh H, chị N phải trả đủ số tiền 330.000.000 đồng và tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 09-02-2023. Anh P đồng ý với nội dung bản cam kết nêu trên nên đã rút đơn khởi kiện đối với anh H, chị N. Tuy nhiên cho đến nay anh H, chị N vẫn chưa trả nợ cho anh như đã cam kết.

Ngày 11-7-2023 anh P làm đơn tiếp tục khởi kiện đến Toà án yêu cầu vợ chồng anh H, chị N phải trả cho số tiền nợ gốc là 330.000.000 đồng (gồm khoản vay 200.000.000 đồng và khoản vay 130.000.000 đồng) đồng thời tính lãi theo quy định pháp luật 0.83%/tháng kể từ ngày 09-02-2023 cho đến ngày Toà án xét xử.

Đến ngày 29-8-2023 anh làm đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối khoản vay 130.000.000 đồng. Nay anh chỉ yêu cầu vợ chồng anh H, chị N có nghĩa vụ liên đới trả cho anh số tiền nợ gốc 200.000 đồng và tiền lãi 0.83%/tháng kể từ ngày 09-02-2023 cho đến ngày Toà án xét xử.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Huỳnh Chí H và chị Nguyễn Thị Mỹ N đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc nhưng anh H, chị N vắng mặt không có lý do đồng thời không nộp văn bản trình bày ý kiến cho Toà án.*

Tại phiên toà, các đương sự vắng mặt nên không có ý kiến trình bày

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh:

+ Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Căn cứ theo Điều 217, 218, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Công P về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, buộc anh Huỳnh Chí H và chị Nguyễn Thị Mỹ N có nghĩa vụ liên đới trả cho anh P số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Công P đối với yêu cầu buộc anh Huỳnh Chí H và chị Nguyễn Thị Mỹ N có nghĩa vụ liên đới trả cho anh P số tiền nợ gốc 130.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật.

- Các đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Anh Huỳnh Công P khởi kiện anh Huỳnh Chí H và chị Nguyễn Thị Mỹ N cùng cư trú tại xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh có nghĩa vụ trả tiền nợ vay và tiền lãi. Do vậy xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự và Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn anh Huỳnh Công P có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn anh Huỳnh Chí H và chị Nguyễn Thị Mỹ N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên toà nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

Bị đơn anh Huỳnh Chí H và chị Nguyễn Thị Mỹ N đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Toà án làm việc, không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định pháp luật.

[2.1] Đối với khoản nợ gốc 200.000.000 đồng: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cung cấp bản chính giấy mượn tiền ngày 21-6-2022 (Bút lục 22) có nội dung anh H, chị N vay của anh P số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng nhưng có sửa số tiền vay bằng số và bằng chữ, anh H và chị N hẹn 06 tháng sau sẽ trả đủ tiền lãi và tiền nợ gốc cho anh P. Đồng thời nguyên đơn cung cấp thêm 01 bản chính bản cam kết trả nợ ngày 09-02-2023 (Bút lục 21) có nội dung anh H, chị N “*xác nhận tổng số nợ của anh P số tiền 200.000.000 đồng. Các giấy mượn nợ khác không còn giá trị pháp lý và bị thay thế bởi văn bản này. Chúng tôi cam kết trong vòng 05 tháng kể từ ngày 09-02-2023 đến ngày 09-07-2023 sẽ trả tiền đủ cho anh P. Nếu hết thời hạn trên không trả được thì anh H, chị N phải trả đủ cho anh P số tiền 330.000.000 đồng và tính lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày 09-02-2023*”. Bản cam kết có ký tên, dấu vân tay của anh H, chị N, anh P xác nhận. Nội dung nêu trên phù hợp với kết quả xác minh ngày 14-8-2023 đối với bà Phan Thị Ngọc H1 (là mẹ ruột anh Huỳnh Chí H) cũng thừa nhận anh H, chị N có vay tiền của anh P đến nay chưa trả và các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án.

Xét thấy hợp đồng vay tài sản giữa anh P và anh H, chị N là hợp đồng vay có kỳ hạn, các bên đã thoả thuận lại thời hạn cuối cùng trả nợ là ngày 09-7-2023 nhưng đến nay anh H, chị N vẫn không trả nợ như đã cam kết. Đến ngày 11-7-2023 anh P tiếp tục làm đơn khởi kiện ra Toà án yêu cầu anh P, chị N trả tiền vay trong đó có khoản nợ gốc 200.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 470 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về yêu cầu trả tiền lãi: Căn cứ vào nội dung giấy mượn tiền ngày 21-6-2022 “*tôi đồng ý mượn số tiền của ông P với lãi suất do hai bên thoả thuận và tuân thủ quy định pháp luật*” có cơ sở xác định hợp đồng vay tiền giữa anh P và anh H, chị N là hợp đồng vay tài sản có thoả thuận thống nhất về mức lãi suất. Anh P đã nhận được số tiền lãi 24.000.000 đồng được tính từ ngày vay tiền 21-6-2022 cho đến ngày 08-02-2023 là phù hợp với quy định pháp luật, số tiền lãi đã nhận không vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Tại bản cam kết trả nợ ngày 09-02-2023, các bên đã thoả thuận nếu anh H, chị N không trả nợ đúng hạn thì anh P được “*tính lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày 09-02-2023*”. Nay anh P yêu cầu tính lãi suất 0.83%/tháng kể từ ngày 09-02-2023 là phù hợp với nội dung cam kết nêu trên và quy định tại Điều 468 của Bộ

luật Dân sự. Cụ thể tiền lãi được tính từ ngày 09-02-2023 dương lịch cho đến ngày xét xử 27-9-2023 dương lịch là: 200.000.000 đồng x 07 tháng 18 ngày = 12.615.999 đồng, *làm tròn số thành 12.616.000 đồng.*

- Về trách nhiệm liên đới: Anh H, chị N trực tiếp thực hiện giao dịch vay tiền với anh P nhằm sử dụng vào mục đích chung làm ăn kinh doanh của gia đình, khoản vay này tồn tại trong thời kỳ hôn nhân của anh H, chị N nên anh P yêu cầu anh H, chị N có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi 12.616.000 đồng, tổng cộng 212.616.000 đồng là phù hợp quy định tại Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Đối với khoản nợ gốc 130.000.000 đồng: Ngày 29-8-2023 anh P làm đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện buộc anh H, chị N trả khoản vay 130.000.000 đồng đã vay của anh P vào ngày 10-7-2022. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của anh P là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết phần yêu cầu khởi kiện này của anh P theo quy định tại Điều 217, 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh P có quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Do yêu cầu khởi kiện của anh P được chấp nhận nên anh không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí khởi kiện.

+ Căn cứ vào quy định tại Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, anh H và chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 212.616.000 đồng x 5% = 10.630.800 đồng, *làm tròn số 10.631.000 đồng.*

[4] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 217, 218, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 của Bộ Dân sự; Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Công P về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” đối với anh Huỳnh Chí H và chị Nguyễn Thị Mỹ N.

Buộc anh Huỳnh Chí H và chị Nguyễn Thị Mỹ N có nghĩa vụ liên đới trả

cho anh Huỳnh Công P tổng cộng số tiền 212.616.000 (Hai trăm mười hai triệu, sáu trăm mười sáu nghìn) đồng, trong đó nợ gốc là 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng và tiền lãi là 12.616.000 (Mười hai triệu, sáu trăm mười sáu nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Công P đối với yêu cầu buộc anh Huỳnh Chí H và chị Nguyễn Thị Mỹ N có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Huỳnh Công P khoản nợ gốc 130.000.000 (Một trăm ba mươi triệu) đồng. Anh Huỳnh Công P có quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Anh Huỳnh Chí H và chị Nguyễn Thị Mỹ N phải chịu số tiền 10.631.000 (Mười triệu, sáu trăm ba mươi một nghìn) đồng án phí.

+ Anh Huỳnh Công P được nhận lại tiền tạm ứng án phí khởi kiện đã nộp 8.250.000 (Tám triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng tại Biên lai thu số 0018901 ngày 18-7-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-TAND tỉnh TN;
- VKSND H.Châu Thành;
- CCTHADS H.Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Bùi Thị Liên

